

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH GIA LAI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 561 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 06 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án: Khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Đề Gi (Giai đoạn 2) thuộc các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 7252/UBND-NNMT ngày 29/11/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao nhiệm vụ thực hiện các dự án, phương án bố trí, ổn định vùng thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông);

Căn cứ Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân

dân cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo Văn bản số 02/SXD-HTKTTĐ ngày 09/01/2026 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Đê Gi (Giai đoạn 2) thuộc các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 66/TTr-SXD ngày 05 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Đê Gi (Giai đoạn 2) thuộc các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Đê Gi (Giai đoạn 2) thuộc các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông).

2. Địa điểm xây dựng: Xã Đê Gi, tỉnh Gia Lai.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

5. Tổ chức tư vấn lập, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:

a) Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Kiều Việt.

b) Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH tư vấn Hội Cầu Đường.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Nhóm C; Hạ tầng kỹ thuật cấp III; 50 năm.

7. Mục tiêu dự án: Dự án nhằm mục tiêu đầu tư xây dựng khu dân cư mới tập trung để bố trí chỗ ở ổn định cho các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại khu vực Núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Cát Minh, huyện Phù Cát (cũ) nay là thôn Đức Phổ 1, xã Đê Gi bị di dời khẩn cấp do ảnh hưởng thiên tai bão và lũ lụt gây ra.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

a) Hạng mục san nền:

Diện tích đất san nền khoảng 4,75ha. Cao độ san nền theo cao độ không chế tại các vị trí nút giao thông theo quy hoạch chi tiết được duyệt. Chiều cao đắp trung bình khoảng 0,42m. Nguồn vật liệu san nền: Tận dụng đất đào tại chỗ.

b) Hạng mục đường giao thông:

- Đầu tư xây dựng 06 tuyến đường giao thông nội bộ theo quy hoạch được duyệt có lộ giới 16m – 22m, với tổng chiều dài khoảng 1.367,18m; tốc độ thiết kế $V_{tk}=30\text{km/h}$; tải trọng trục tính toán $P=10$ tấn/trục; độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$; độ dốc ngang vỉa hè $i_{vh}=1\%$.

TT	Tên đường	Quy mô mặt cắt ngang đường (m)	Chiều dài (m)
1	DKMR	$B_n = 4,5\text{m(Bvh)} + 7,0\text{m(Bm)} + 4,5\text{m(Bvh)} = 16,0\text{m}$	394
2	N1	$B_n = 4,5\text{m(Bvh)} + 7,0\text{m(Bm)} + 4,5\text{m(Bvh)} = 16,0\text{m}$	200
3	N2	$B_n = 6,0\text{m(Bvh)} + 10\text{ m(Bm)} + 6,0\text{ m(Bvh)} = 22,0\text{m}$ $B_n = 6,0\text{m(Bvh)} + 13\text{ m(Bm)} + 3,0\text{ m(Bvh)} = 22,0\text{m}$	171,57
4	N3	$B_n = 4,5\text{m(Bvh)} + 9,0\text{m(Bm)} + 4,5\text{m(Bvh)} = 18,0\text{m}$ $B_n = 7,5\text{m(Bvh)} + 9,0\text{m(Bm)} + 4,5\text{m(Bvh)} = 21,0\text{m}$	142,28
5	N4	$B_n = 4,5\text{m(Bvh)} + 7,0\text{m(Bm)} + 4,5\text{m(Bvh)} = 16,0\text{m}$	394
6	N5	$B_n = 4,5\text{m(Bvh)} + 7,0\text{m(Bm)} + 4,5\text{m(Bvh)} = 16,0\text{m}$	65,33
Tổng			1.367,18

* Mặt đường giao thông: bằng BTXM B22,5 (M300) đá 2x4 dày 22cm. Lớp đất đắp đầm chặt K98 được sử dụng tại mỏ đất xã Đề Gi, cách công trình 4km.

* Kết cấu bó vỉa, vỉa hè:

- Bó vỉa bằng bê tông B20(M250) đá 1x2.
- Vỉa hè bằng gạch Terrazzo KT(30x30 x3)cm.

* Công viên, Cây xanh: Xây dựng các hố trồng cây xanh dọc theo vỉa hè các tuyến đường giao thông nội bộ, vị trí nằm giữa 02 lô đất. Hố trồng cây bằng ống buy D80cm, chiều sâu 0,5m; cây xanh vỉa hè trồng cây Muồng Hoàng Yến. Xây dựng khu công viên, cây xanh với diện tích khoảng 2.308,2 m² bên trong trồng cỏ, cây bóng mát.

* An toàn giao thông: Xây dựng hệ thống biển báo, sơn kẻ đường theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2024/BGTVT.

c) Hệ thống thoát nước mưa:

- Xây dựng các tuyến cống thu gom nước mưa bằng cống tròn BTCT đường kính D400 đến D1200 với tổng chiều dài khoảng 1.554m để thu gom nước mưa về mương bê tông phía Bắc dự án.

- Xây dựng hố ga thăm bằng BT đá 1x2 B15 (M200). Các hố trên vỉa hè nắp đan bằng bê tông tính năng cao tải trọng 12,5T. Xây dựng hố thu nước mặt đường bằng BTCT đá 1x2 B20 (M250), phía trên lắp đặt lưới chắn rác bằng bê tông tính năng cao, tải trọng 25T.

- Xây dựng tuyến mương có chiều dài khoảng 70m, kích thước bxxh=(1,5 x1,5)m bằng BTCT đá 1x2 B15 (M200).

d) Hệ thống thoát nước thải:

- Xây dựng tuyến cống thoát nước thải bằng ống nhựa HDPE-PE100, đường kính D250mm và D315mm với tổng chiều dài khoảng 1.220m để thu gom nước thải, tự chảy về bể xử lý nước thải phía Bắc của dự án bằng BTCT B20 (M250) đá 1x2, kích thước DxRxH = (3,3 x 6,7 x 3,25)m.

- Xây dựng hố ga thăm bằng BTXM đá 1x2 B15 (M200), nắp đan bằng bê tông tính năng cao tải trọng 12,5T

- Lắp đặt các hố ga bằng nhựa uPVC và đường ống uPVC D160 để đấu nối nước thải từ hộ gia đình vào tuyến cống thoát nước.

đ) Hệ thống cấp nước sinh hoạt:

- Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC với tổng chiều dài khoảng 2.357m (gồm 999m HDPE D110mm và 1358m ống HDPE D63mm).

- Lắp đặt 04 trụ chữa cháy đảm bảo khoảng cách theo quy định và các phụ kiện trên đường ống.

e) Hệ thống cấp điện:

- Di dời, hoàn trả TBA, các tuyến điện 0,4kV, chiếu sáng hiện trạng bị ảnh hưởng bởi dự án.

- Xây dựng mới đường dây 0,4kV đi nổi trên không, chiều dài tuyến khoảng 913m.

- Xây dựng mới đường dây chiếu sáng đi nổi trên không, chiều dài tuyến khoảng 1.064m.

- Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng công viên, chiều dài tuyến khoảng 206m.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án do đơn vị tư vấn lập, được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 02/SXD-HTKTTĐ ngày 09/01/2026.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 24.855.889.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, tám trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

Trong đó (làm tròn):

- Chi phí giải phóng mặt bằng	: 0	đồng;
- Chi phí xây dựng	: 20.593.621.000	đồng;
- Chi phí thiết bị	: 0	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	: 471.219.000	đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 1.143.439.000 đồng;
- Chi phí khác : 387.984.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 2.259.626.000 đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2026.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Nhà nước (gồm: vốn ngân sách Trung ương, vốn ngân sách tỉnh) và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Văn bản số 7252/UBND-NNMT ngày 29/11/2025 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ thực hiện các dự án, phương án bố trí, ổn định vùng thiên tai; Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 về việc phân bổ kinh phí để thực hiện các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Đợt 1).

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Các nội dung khác: Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 02/SXD-HTKTTĐ ngày 09/01/2026.

Điều 2. Ban Quản lý dự án Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV; Ban Quản lý dự án Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Chủ tịch UBND xã Đê Gi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh ;
- Lưu: VT, N6

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Mah Tiệp